



HATICO VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM**  
**PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349**

Đ/c: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Thanh Liệt, TP Hà Nội  
Đ/c PTN: Liền kề lô số 16, ô số 31, dự án khu đô thị mới Kim Chung - Di Trạch,  
xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: [haticovietnam2016@gmail.com](mailto:haticovietnam2016@gmail.com)

Số: 06611/2026/PKQ/26.3815

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MAY VIỆT THUẬN  
Địa chỉ : Lô P1, đường N5A, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình  
Địa điểm quan trắc : Lô P1, đường N5A, khu công nghiệp Hòa Xá, phường Thành Nam, tỉnh Ninh Bình  
Vị trí lấy mẫu : - KT.220526-010- Khí thải ống khói lò hơi, tọa độ X=2259054, Y=566932 (KT)  
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01  
Ngày lấy mẫu : 22/05/2026 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 09/06/2026

| TT | Chỉ tiêu                                                               | Đơn vị             | Phương pháp thử   | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT |
|----|------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|---------|---------------------|
|    |                                                                        |                    |                   | KT      | Cột B, Cmax         |
| 1  | Lưu lượng <sup>(b)</sup>                                               | m <sup>3</sup> /h  | US EPA Method 02  | 2.108   | -                   |
| 2  | Bụi tổng (PM) <sup>(b)</sup>                                           | mg/Nm <sup>3</sup> | US EPA Method 05  | 23,2    | 200                 |
| 3  | CO <sup>(b)</sup>                                                      | mg/Nm <sup>3</sup> | QT.KT.02.TESTO350 | 4,8     | 1.000               |
| 4  | SO <sub>2</sub> <sup>(b)</sup>                                         | mg/Nm <sup>3</sup> | QT.KT.02.TESTO350 | 12,1    | 500                 |
| 5  | Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) <sup>(b)</sup> | mg/Nm <sup>3</sup> | QT.KT.02.TESTO350 | 3,51    | 850                 |

**Ghi chú:**

**Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng quy chuẩn so sánh theo nội dung giấy phép môi trường số 1475/GPMT-UBND do UBND tỉnh Nam Định cấp ngày 27/7/2023)

- Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

+  $C_{max} = C \times K_p \times K_v$  (với  $K_p=1$  và  $K_v=1$ )

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026

TP. PHÒNG THỬ NGHIỆM

CÁN BỘ QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Duyên

Hoàng Thị Kim Anh

ThS. Nguyễn Văn Hòa



1. (a) Không quy định
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.